

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST

Ngày: 19/3/2018

V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **ĐOÀN THỊ THOA**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 437/2017/TLST-DS ngày 05/10/2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **PHẠM THỊ NGỌC D**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp 01, xã M, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: - Bà **LÊ THỊ L**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: ấp 03, xã M, huyện CB, tỉnh TG.

- Chị **TRẦN THỊ P**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp 01, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

(Bà D, bà L, chị P có mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè phía nguyên đơn bà D trình bày:*

Nguyên vào ngày 03/8/2011 âm lịch bà có cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày khi vay tiền bà L có ký tên vào biên nhận nợ với nội dung vay trả tiền ngân hàng và hứa khi nào bà cần vốn thì bà sẽ thông báo trước một tháng cho bà L sẽ trả đủ số tiền vốn vay lại cho bà. Sau khi vay xong đến nay bà L không trả tiền cho bà mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà L trả.

Ngoài ra, vào ngày 26/3/2013 sau khi đối chiếu nợ hụi bà L còn nợ bà số tiền hụi chết là 14.000.000 đồng, bà có đòi nhiều lần nhưng bà L không trả.

Ngày 09/4/2015 bà có khởi kiện bà L ra Tòa án nhân dân huyện Cái Bè do Thẩm phán Nguyễn Thanh T thụ lý giải quyết, trong quá trình giải quyết tòa án lấy lời khai bà L và bà L có thừa nhận chữ ký trong biên nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà ký tên, nhưng sau đó bà L phủ nhận bà L cho rằng không phải bà L ký nên bà có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết và chữ ký nhưng kết quả giám định xác định do chữ ký đơn giản nên không giám định được. Còn biên nhận số tiền hụi 14.000.000 đồng ngày 26/3/2013 do con gái bà L là P viết và ký tên nhưng số tiền hụi là do bà L nhận, trước đây khi Thẩm phán Triều giải quyết có đưa chị P vô tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung biên nhận và tại kết luận

giám định cũng xác định chữ viết họ tên Lê Thị L trong biên nhận ngày 26/3/2013 là do chị P viết. Do bà chỉ khởi kiện phía bà L mà không khởi kiện phía chị P nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện để bổ sung hồ sơ và khởi kiện lại sau.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà số tiền vay là 30.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03/9/2011 âm lịch (ương lịch là ngày 29/9/2011) đến ngày xét xử, bà yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền hụi chết còn lại cho bà là 14.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại tờ tự khai ngày 19/10/2017, ý kiến tại các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà xác định trước đây bà có vay của bà D số tiền là 20.000.000 đồng, ngày tháng năm bà không nhớ, bà vay để trả tiền ngân hàng, sau đó bà đã trả xong cho bà D, khi vay có làm biên nhận nợ 20.000.000 đồng cho bà D, biên nhận do bà D giữ. Bà D có xuất trình cho Tòa án biên nhận thể hiện ngày 03/8/2011 al, bà xác định bà không có vay bà D số tiền 30.000.000 đồng và cũng không có làm biên nhận này, chữ viết và chữ ký trong biên nhận không phải là của bà. Trước đây khi thẩm phán T giải quyết bà và bà D hai bên đều có yêu cầu giám định biên nhận ngày 03/8/2011 âm lịch, các kết quả giám định đều không có kết quả và cũng không có kết luận nào xác định chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà.

Đối với dây hụi bà D khởi kiện bà và P (con gái bà), bà xác định có tham gia nhiều dây hụi do bà D làm đầu thảo, trong đó có dây hụi mở ngày 15/01/2013 âm lịch hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai hụi một lần, có 20 hụi viên, bà tham gia dây hụi này 01 phần, đã hót xong, dây hụi này đã mãn vào tháng 8/2014 âm lịch, bà đã đóng hụi chết dây hụi này xong, không còn nợ nần gì. Bà D có cung cấp một biên nhận nợ hụi ngày 26/3/2013, bà D cho rằng biên nhận này là P viết biên nhận và ký tên thay cho bà, điều này là vô lý, khi thẩm phán T giải quyết thì bà D có yêu cầu giám định biên nhận ngày 26/3/2013 thì kết quả theo bà được biết chữ viết tên họ Lê Thị L trong biên nhận và chữ viết Trần Thị P do P cung cấp cho Tòa là cùng một người, bà không có ý kiến gì về việc này, còn giữa P và bà D có giao dịch hụi hay không thì bà không rõ.

Nay bà không đồng ý các yêu cầu của bà D vì bà xác định không còn nợ nần gì bà D.

** Tại tờ tự khai ngày 19/10/2017, ý kiến tại các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Phượng trình bày:*

Chị là con ruột của bà L, trước đây chị có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà D làm chủ thảo nhưng giữa chị và bà D đã quyết toán xong, không còn nợ nần gì. Bà D khởi kiện cho rằng chị có đứng ra viết biên nhận nợ hụi thay cho mẹ chị số tiền nợ hụi chết là 14.000.000 đồng. Chị xác định không biết gì về biên nhận đề ngày 26/3/2013 do bà D cung cấp. Khi thẩm phán T giải quyết có đưa chị vào tham gia tố tụng tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết phía bà D có yêu cầu giám định biên nhận ngày 26/3/2013 thì kết quả giám định xác định chữ viết Lê Thị L trong biên nhận và chữ viết Trần Thị P do chị viết và cung cấp cho Tòa là cùng một người viết ra, chị rất bất ngờ vì chị không hề biết gì về biên nhận này.

Nay chị không đồng ý yêu cầu của bà D về việc yêu cầu chị cùng trách nhiệm với bà L trả số tiền hụi là 14.000.000 đồng vì chị có tham gia chơi hụi với bà D trong dây hụi này và không nợ nần gì bà D.

** Tại phiên tòa phía bà D yêu cầu bà Lê Thị L trả số tiền 30.000.000 đồng, bà D xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền này, đồng thời xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền hụi chết là 14.000.000 đồng. Phía bị đơn bà L không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Chị P không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền vay là 30.000.000 đồng, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà D về yêu cầu tính lãi đối với phần tiền trên phần nợ là 30.000.000 đồng, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà D về yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền nợ hui chết là 14.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Ngọc D với bà Lê Thị L và chị Trần Thị P là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo quy định tại các điều 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện :

Đối với yêu cầu của bà D yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị L trả phần tiền nợ vay là 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ phía nguyên đơn cho rằng bà L có nợ nguyên đơn số tiền là 30.000.000 đồng và nguyên đơn có cung cấp biên nhận nợ đề ngày 03/8/2011 âm lịch, trong biên nhận để lý do nhận tiền giao hui trả ngân hàng tuy nhiên nguyên đơn xác định đây là nợ vay chứ không phải nợ hui, phía bị đơn bà L thừa nhận trước đây có nợ nguyên đơn 20.000.000 đồng nhưng đã trả xong, có làm biên nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng cho nguyên đơn, biên nhận do nguyên đơn giữ, khi trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà D, hai bên không làm giấy tờ gì. Xét thấy phía bà L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc bà đã trả xong nợ số tiền 20.000.000 đồng cho bà D, phía nguyên đơn không thừa nhận bà L nợ 20.000.000 đồng mà xác định bà L nợ 30.000.000 đồng đến nay chưa trả. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ ngày 05/10/2017 cho đến nay phía bà L đều xác định biên nhận nợ ngày 03/8/2011 âm lịch do bà D cung cấp không phải chữ viết và chữ ký của bà, bà cũng cho rằng trước đây khi thẩm phán Nguyễn Thanh T giải quyết vụ tranh chấp giữa hai bên phía bà và bà D nhiều lần yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký trong biên nhận ngày 03/8/2011 âm lịch thì đều xác định không đủ căn cứ kết luận do chữ ký giản đơn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi thụ lý vụ án từ ngày 05/10/2017 cho đến nay tuy phía nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành tiếp tục trưng cầu giám định biên nhận ngày 03/8/2011 âm lịch, tuy nhiên qua thu thập các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thụ lý số 132/2015/TLST-DS ngày 09/4/2015 do thẩm phán Nguyễn Thanh T giải quyết thì trong đó tại biên bản hòa giải lập ngày 11/5/2015 (bút lục số 87) phía bà L có ý kiến thừa nhận biên nhận nợ ngày 03/8/2011 âm lịch nội dung là do bà D viết, còn chữ ký trong biên nhận là do bà ký tên vào, bà cũng xác định có nợ 20.000.000 đồng nhưng do bà không biết chữ nên bà D ghi biên nhận nợ là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà L xác định có ký tên vào biên nhận nợ 20.000.000 đồng nhưng bà đã trả xong, bà cũng xác định ý kiến tại biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 03/8/2011 âm lịch là do ghi nhầm lẫn, xét thấy lời khai này của bà L là không được chấp nhận, bởi lẽ bà đã thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ, mặc khác bà cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc bà đã trả bà D số tiền 20.000.000 đồng theo như bà trình bày, phía bà D không thừa nhận và xác định bà L nợ 30.000.000 đồng chưa trả, vì vậy hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền vay là 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà D xin rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 03/9/2011 âm lịch đến ngày xét xử đối với số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, đồng thời xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền hui chết là 14.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà D phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà D số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 217, 235, 243, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 471, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D.

Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L trả phần tiền lãi trên phần nợ là 30.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 29/9/ 2011 đến ngày 19/3/2018).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L và chị Trần Thị P liên đới cùng trách nhiệm trả số tiền nợ hui là 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L chậm thi hành thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Bà Lê Thị L phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà D số tiền 1.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 07582 ngày 05/10/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

* Về quyền kháng cáo : Bà D, bà L và chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH